

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 04, 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt do đã bị Tòa án tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Văn H: Năm 2006, anh H và chị H1 yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới cho anh H và chị H1 về sống chung với nhau, anh H và chị H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 10-4-2006. Trong quan hệ hôn nhân anh H và chị H1 có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07-02-2007, hiện nay P đã thành niên và có khả năng

lao động. Anh H và chị H1 sống chung hạnh phúc đến tháng 10-2009 thì nảy sinh mâu thuẫn nên chị H1 bỏ về nhà mẹ ruột ở huyện T sinh sống, để lại con cho anh H nuôi dưỡng. Sau đó anh H có tìm đến để hàn gắn tình cảm với chị H1 nhưng chị H1 đã đi đâu mất, anh H và gia đình chị H1 có tìm kiếm khắp nhiều lần nơi nhưng không gặp, chị H1 cũng không liên lạc với anh H và gia đình, anh H không biết tung tích của chị H1. Vì vậy nên anh H có làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị H1 và được Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu tìm kiếm chị H1 của anh H bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-DS ngày 05-01-2023 về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Sau đó, anh H vẫn chưa tìm gặp được chị H1, không có tin tức gì của cô H2 nên anh H đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị H1 thì được Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của anh H bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2024/QĐST-DS ngày 30-9-2024 về việc tuyên bố một người mất tích. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1 vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Khi khởi kiện, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07-02-2007, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Nhưng hiện nay con chung tên Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07-02-2007 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Nguyễn Thị H1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích bằng quyết định số: 03/2024/QĐST-DS ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng. Ngày 31-12-2024 Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị H1 và đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nhưng chị Nguyễn Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ cũng như bản khai của chị Nguyễn Thị H1. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn Nguyễn Văn H và cung C để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Do bị đơn Nguyễn Thị H1 bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải được mà chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị H1 theo quy định tại Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 10-4-2006 nên hôn nhân của anh H và chị H1 là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa anh H và chị H1 xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2009 chị H1 bỏ nhà đi, anh H không biết chị H1 đi đâu, nên anh H đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích đối với chị H1 và được Tòa án giải quyết bằng quyết định số: 03/2024/QĐST-DS ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc tuyên bố Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987 mất tích. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị H1 đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng tuyên bố mất tích bằng quyết định số: 03/2024/QĐST-DS ngày 30-9-2024 có nội dung “Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu tuyên bố chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987 mất tích. Tuyên bố: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, có hộ khẩu thường trú tại: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp mất tích”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ P, sinh này 07-02-2007 đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004908 ngày 31-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H với chị Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vũ P, sinh này 07-02-2007 đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0004908 ngày 31-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Long An (ĐKKH số: 33/2006, ngày 10-4-2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu